**BÁO CÁO**

**SÁNG KIẾN TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2016**

**Tên sáng kiến:** Tham mưu xây dựng “Phần mềm quản lý hệ thống thông tin cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hà Tĩnh”.

**1. Tính cấp thiết của sáng kiến:**

***a. Lý do xây dựng sáng kiến:***

 Trong những năm qua, công tác cải cách hành chính tỉnh Hà Tĩnh được tập trung chỉ đạo quyết liệt với sự vào cuộc của các cấp, các ngành, và đã đạt được những kết quả tích cực, đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kết quả các Chỉ số như PAPI, PAR INDEX tương đối ổn định và thuộc nhóm các tỉnh, thành phố xếp thứ hạng cao của cả nước.

 Hồ sơ cán bộ, công chức là tài liệu quan trọng có tính pháp lý phản ánh trung thực về lý lịch của từng cá nhân cán bộ, công chức. Song trên thực tế, công tác quản lý hồ sơ cán bộ, công chức bằng phương pháp truyền thống (hồ sơ giấy) nói chung và hồ sơ điện tử về cán bộ, công chức (là tập hợp những thông tin cơ bản nhất trong hồ sơ cá nhân của cán bộ, công chức, viên chức được truy nhập, sắp xếp, lưu trữ và quản lý bằng hệ quản trị cơ sở dữ liệu) nói riêng thời gian qua chưa được quan tâm, chỉ đạo để thực hiện một cách đầy đủ và nghiêm túc. Do vậy, khi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu số liệu để phục vụ cho việc nghiên cứu hoạch định chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức hoặc ra quyết định về nhân sự thì các cơ quan chuyên môn không cung cấp được hoặc nếu có thì số liệu lại lạc hậu và thiếu chính xác. Đồng thời hiện trạng hồ sơ hiện nay của CBCCVC đang được lưu giữ theo nhiều cách thức khác nhau tùy thuộc và từng đơn vị.

 Lưu trữ hồ sơ của CBCCVC là một điều hết sức quan trọng, tuy nhiên, hiện nay trong công tác này vẫn sử dụng những các thức lưu trữ hồ sơ theo truyền thống, lưu trữ hồ sơ giấy chưa được số hóa dữ liệu bằng ứng dụng công nghệ thông tin.

 ***b. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của sáng kiến:***

Việc tuyển dụng CBCCVC tiếp tục có sự đổi mới và được thực hiện bằng Nghị định 24/2010/NĐ-CP[[1]](#footnote-1) đối với công chức, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP[[2]](#footnote-2) đối với viên chức và Nghị định 112/2011/NĐ-CP đối với công chức cấp xã, phường, thị trấn. Nghị định cũng quy định trong những trường hợp đặc biệt có thể được xét tuyển, quy định này thể hiện sự linh hoạt, đổi mới trong xây dựng thể chế nhằm thu hút người tài, người có ngạch công chức và năng lực phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển.

Một bước đổi mới tiếp theo trong thể chế quản lý CBCCVC là việc Chính phủ quy định vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghị định 41/2012/NĐ-CP[[3]](#footnote-3) và Nghị định 36/2013/NĐ-CP[[4]](#footnote-4) về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức. Rõ ràng thể chế quản lý CBCCVC đang được xây dựng theo hướng tách tổ chức hành chính với tổ chức sự nghiệp công để hoạt động theo các cơ chế riêng, phù hợp, có hiệu quả. Xác định vị trí việc làm trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị, tổ chức là cơ sở khoa học cho việc xây dựng cơ cấu ngạch công chức, xác định biên chế hợp lý và tuyển dụng mới phù hợp với năng lực, trình độ người được tuyển dụng, đặc biệt trong việc đánh giá CBCCVC. Tuy nhiên, việc xác định vị trí việc làm để xây dựng danh mục vị trí việc làm sẽ hoàn thiện, hiệu quả hơn khi xây dựng được bảng mô tả vị trí công việc cụ thể.

Về đánh giá CBCC, mặc dù Luật CBCC ban hành năm 2008, có hiệu lực năm 2010, đã quy định mục đích, nội dung, phương pháp đánh giá, xếp hạng CBCC nhưng thực tế tiêu chí, phương pháp chấm điểm vẫn thực hiện theo Quyết định 11/1998/TCCP ngày 5-12-1998[[5]](#footnote-5) của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội Vụ) từ thời Pháp lệnh Công chức chưa được hoàn thiện, hoàn chỉnh. Vì thế, việc đánh giá công chức hàng năm chưa phản ánh đúng năng lực, trình độ và kết quảhoàn thành nhiệm vụ của CCVC. Cần có sự sửa đổi, bổ sung và ban hành mới quy trình đánh giá CBCC cho phù hợp với những đổi mới thể chế trong quản lý CBCCVC theo tinh thần Nghị quyết 30c/NQ-CP năm 2011.

Chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ đối với CBCCVC luôn là vấn đề được Chính phủ đưa vào mục tiêu và nhiệm vụ trong từng giai đoạn của CCHC. Giai đoạn 2001-2010: *“đến năm 2005, tiền lương của cán bộ, công chức được cải cách cơ bản, trở thành động lực của nền công vụ, bảo đảm cuộc sống của cán bộ, công chức và gia đình”* tuy nhiên mục tiêu chưa đạt kết quả tốt[[6]](#footnote-6). Cho đến nay, chế độ tiền lương vẫn chưa được cải cách cơ bản theo hướng tiền tệ hóa, lộ trình tăng lương tối thiểu chung chưa trở thành động lực của nền công vụ. Việc thực hiện chế độ tiền lương vẫn theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP[[7]](#footnote-7), Nghị định số 17/2013/NĐ-CP và những văn bản pháp lý về nâng bậc, nâng ngạch hàng năm.

Việc quản lý hồ sơ cán bộ, công chức và chế độ báo cáo thống kê hàng năm được chuẩn hóa, thực hiện theo quyết định 06/2007/QĐ-BNV[[8]](#footnote-8), quyết định 02/2008/QĐ-BNV[[9]](#footnote-9) và thông tư 11/2012/TT-BNV[[10]](#footnote-10) của Bộ Nội vụ. Bản sơ yếu lý lịch CBCCVC theo mẫu 2c/BNV/2008[[11]](#footnote-11) là một trong 3 tài liệu gốc quan trọng của hồ sơ CBCCVC được Bộ Nội vụ thống nhất ban hành. Những thông tin trong bản sơ yếu lý lịch là đầu vào ban đầu quan trọng trong việc xây dựng CSDL CBCCVC.

 Ứng dụng CNTT trong quản lý CBCCVC là một nội dung trong đổi mới công tác quản lý CBCCVC được nêu trong Quyết định 94/2006/QĐ-TTg[[12]](#footnote-12) “Xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống thông tin về cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ công chức” song việc xây dựng hệ thống thông tin quản lý CBCCVC chậm triển khai, cho đến nay mới chỉ chuẩn hóa được mẫu quản lý hồ sơ CBCCVC và mẫu 2c/BNV/2008 cho bản sơ yếu lý lịch CBCC.

Nghị định 64/2007/NĐ-CP của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước. Nghị định chỉ rõ trách nhiệm, nguồn kinh phí, nguyên tắc xây dựng, quản lý khai thác, bảo vệ và duy trì CSDL của các Bộ, ngành và UBND tỉnh. Quyết định 1605/2010/QĐ-TTg[[13]](#footnote-13) đưa ra mục tiêu, nội dung, giải pháp.. ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước một cách cụ thể, toàn diện cho cấp TƯ cũng như địa phương làm căn cứ xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với chỉ đạo của ngành, tỉnh . Đặc biệt, trong giải pháp tổ chức và điều hành, nhấn mạnh vai trò của người đứng đầu cơ quan *“ Người đứng đầu cơ quan phải chủ động, có quyết tâm chính trị cao, theo sát và ủng hộ quá trình ứng dụng* *CNTT vào cơ quan mình” và“Kết hợp chặt chẽ việc triển khai Chương trình này với Chương trình cải cách hành chính để ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước có tác dụng thực sự thúc đẩy cải cách hành chính.”*

 Đến năm 2020, trọng tâm của Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020[[14]](#footnote-14) về công tác CBCCVC là *“ Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC* ”. Trong nhiều nhiệm vụ của Chương trình, 5 nhiệm vụ dưới đây đòi hỏi hệ thống văn bản được xây dựng phải thực sự đổi mới, kịp thời để đến năm 2020, 100% các cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm.

 i)”Xây dựng, bổ sung và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về Chức danh tiêu chuẩn nghiệp vụ của CBCCVC bao gồm cả công chức lãnh đạo, quản lý;

 ii) Xây dựng cơ cấu CBCCVC hợp lý gắn với vị trí việc làm;

 iii) Hoàn thiện quy định của pháp luật về tuyển dụng; chế độ thi nâng ngạch...

 iv) Hoàn thiện quy định của pháp luật về đánh giá CBCCVC trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao” [[15]](#footnote-15)

 v) Thi tuyển chức vụ lãnh đạo từ trưởng phòng trở lên

 Về hiện đại hóa công tác quản lý CBCCVC, mục tiêu đến năm 2020: „ *Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ của các cơ quan nhà nước, hướng tới nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí hoạt động.”*

Đề án “ Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức”[[16]](#footnote-16) của Thủ tướng Chính phủ đưa ra nhiệm vụ trọng tâm “*Đưa chế độ báo cáo thống kê vào nề nếp. Xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu đội ngũ công chức“*. Chương trình phối hợp Thúc đẩy gắn kết ứng dụng CNTT với CCHC giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nội Vụ[[17]](#footnote-17)nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT với Chương trìnhtổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020. Chương trình gồm 11 nội dung trong đó có 4 nội dung liên quan đến quản lý CBCCVC:

i) Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

 ii) Ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng, nâng ngạch công chức, viên chức.

 iii) Ứng dụng công nghệ thông tin vào chế độ báo cáo thống kê số lượng, chất lượng đội ngũ công chức, viên chức.

 iv) Gắn kết cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức với công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

 Có thể nói, hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến quản lý CBCCVC và ứng dụng CNTT trong quản lý CBCCVC đang ngày càng hoàn thiện. Mục tiêu cụ thể trong Nghị quyết, trong Đề án và trong Chương trình phối hợp Thúc đẩy gắn kết ứng dụng CNTT với CCHC của Chính phủ nói trên đã được Tỉnh Hà Tĩnh cụ thể hóa và triển khai thực hiện.

 UBND tỉnh có Quyết định 587/QĐ-UBND[[18]](#footnote-18)về CTTT CCHC, với mục tiêu “Xây dựng đội ngũ CBCCVC tỉnh Hà Tĩnh đảm bảo tính chuyên nghiệp, tận tụy, công tâm có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và sự nghiệp phát triển đất nước”, một trong những nhiệm vụ thực hiện mục tiêu là “ “Hiện đại hóa công tác quản lý CBCCVC và thực hiện các chế độ, chính sách CBCCVC thông qua hệ thống PM chuyên dụng”.

 Về đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, UBND tỉnh đã có Quyết định 2958/QĐ-UBND[[19]](#footnote-19). Nội dung quyết định tập trung vào những lĩnh vực trọng tâm của công tác quản lý CBCCVC, đồng thời, quyết định cũng đưa ra những giải pháp cụ thể để thực hiện.Trong đó có giải pháp “Thực hiện quy định về chế độ báo cáo thống kê trong công tác quản lý đội ngũ CBCCVC. Áp dụng PM và các ứng dụng CNTT trong quản lý CBCC toàn tỉnh” Như vậy, tính năng phần mềm mới phải đáp ứng được yêu cầu này của quản lý.

 Để thực hiện quy định 335-QĐ/TU ngày 23/3/2012 của Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ, UBND tỉnh đã có Quyết định 44/2013/QĐ-UBND[[20]](#footnote-20) quy định rõ nội dung quản lý và nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị về tổ chức bộ máy, biên chế và CBCCVC.

Quyết định 268/KH-UBND ngày 22/10/2010 về kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước (CQNN) giai đoạn 2011-2015.

**2. Tình hình nghiên cứu.**

***a. Khái quát, thực trạng và yêu cầu giải quyết công việc tại đơn vị:***

Qua khảo sát tại các cơ quan, đơn vị địa phương thì việc Lưu trữ hồ sơ của CBCCVC là một điều hết sức quan trọng, tuy nhiên, hiện nay trong công tác này vẫn sử dụng những cách thức lưu trữ hồ sơ theo truyền thống.

#  Biểu đồ 1: Các lưu trữ hồ sơ CBCCVC

 Công tác lưu trữ hồ sơ của CBCCVC ở cấp huyện- sở: có 73.8% cho rằng vẫn được lưu trữ hồ sơ giấy là cơ bản, chỉ có 30.1% số người được hỏi cho rằng đã được lưu trữ vào phần mềm quản lý. Riêng ở cấp xã phường cho thấy công tác lưu trữ hồ sơ chủ yếu là được lưu trữ trên hồ sơ giấy chiếm 89.7% và số lượng được cập nhật vào phần mềm chỉ có 10.3%. Đặc biệt việc mã hóa hồ sơ trong các phần mềm quản lý dường như rất ít. Mặc dù trước đây tỉnh đã xây dựng phần mềm quản lý CBCCVC (năm 2009) nhưng chưa có hiệu quả.

#  Biểu đồ 2: Thực trạng đánh giá của cán bộ CCVC các cấp liên quan trực tiếp đến QLCCVC khối Nhà nước về văn bản hướng dẫn dưới Luật về quản lý CBCCVC đến cơ quan

(Nguồn: Xử lý kết quả điều tra tại Hà Tĩnh)

Đối với cấp sở ban ngành, huyện trên 70% số người được hỏi cho rằng văn bản hướng dẫn dưới luật về quản lý CBCCVC kịp thời và 30% cho rằng chưa kịp thời. Ở cấp xã 79.3% đánh giá là kịp thời, có 20.7% chưa kịp thời.

Hiện nay các cơ quan nhận các văn bản chỉ đạo về quản lý CBCCVc theo hai hình thức là văn bản giấy và văn bản điện tử được thể hiện trong bảng sau

# Biểu đồ 3: Hình thức nhận và lưu văn bản liên quan đến CBCCVC của cán bộ cấp tỉnh – huyện-xã

(Nguồn: Xử lý kết quả điều tra tại Hà Tĩnh)

Tại tỉnh Hà Tĩnh cho thấy ở cấp tỉnh-huyện có 74.7% cho rằng các văn bản được gửi tới hiện nay bao gồm cả văn bản giấy và văn bản điện tử. Chỉ có 23.3% cho rằng chỉ nhận được văn bản giấy và gần 2% là nhận được văn bản điện tử. Với cấp xã – phường là 96.6%, 89.7% và 48.3%. Như vậy thực tế vẫn đang tồn tại cả hai hình thức văn bản.

Trung tâm THDL tỉnh đang hoạt động cung cấp các dịch vụ điện tử và gửi nhận các văn bản điện tử từ cấp tỉnh đến cấp xã. Đồng thời có nhiều hình thức tiếp nhận văn bản qua nhiều kênh khác nhau: Email.hatinh.gov.vn; qppl.hatinh.gov.vn; …. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là CBCVCV phải tạo thói quen truy cập văn bản.

# Biểu đồ 4: Cách thức tìm hiểu về văn bản pháp lý liên quan đến CBCCVC

Ở cấp Huyện-Sở trên 90% cá nhân tựtìm kiếm và 82,5% nhờ phòng chức năng tìm kiếm văn bản có liên quan đến CBCCVC. Với cấp xã /phường là 82,8% và 14,1%.

Chính vì thế, phần mềm quản lý CBCCVC nên có chức năng/module “Quản lý văn bản” giúp cho công tác quản lý CBCCVC.

Về đánh giá CBCCVC,đa số CBCCVC được hỏi đều cho rằng cần có những qui định mới về đánh giá CBCCVC.

***b. Chỉ ra những vấn đề cần giải quyết để đáp ứng công việc:***

Phần mềm quản lý hệ thống thông tin cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hà Tĩnh phải thực hiện được các yêu cầu sau để đáp ứng công việc về quản lý thông tin và hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức:

- Thông tin cơ bản của CBCCVC;

- Thông tin quá trình công tác, kiêm nhiệm biệt phái;

- Thông tin quá trình lương, phụ cấp;

- Thông tin quá trình biên chế, hợp đồng;

- Thông tin quá trình đào tạo, bồi dưỡng;

- Thông tin quá trình khen thưởng, kỷ luật, bình bầu đánh giá phân loại CBCCVC;

- Thông tin quá trình bảo hiểm;

- Thông tin quá trình công tác Đảng, Đoàn, Đoàn thể khác;

- Hồ sơ nhân thân.

**3. Mục đích và nhiệm vụ của sáng kiến**

***a. Mục đích:***

- Thống nhất và tin học hóa quy trình quản lý hồ sơ CBCCVC;

***-*** Nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT;

***-*** Quản lý chặt chẽ, kịp thời các biến động về nhân sự;

***-*** Cung cấp đầy đủ tổng hợp, chi tiết thông tin về CBCCVC;

***-*** Nâng cao chất lượng làm việc của CBCCVC;

***-*** Đáp ứng nhanh chóng nhu cầu báo cáo, thống kê nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

 ***b. Việc triển khai áp dụng của sáng kiến được thực hiện như sau:***

 Yêu cầu giải quyết công việc tại đơn vị được thông qua sơ đồ và các bước thực hiện như sau:



 Diễn giải quy trình tin học hóa quản lý hồ sơ CBCCVC:

 - Bước 1: Cán bộ tổ chức cấp cơ sở đăng nhập vào phần mềm và cập nhật thông tin hồ sơ của cán bộ công chức, viên chức của đơn vị mình vào hệ thống.

 - Bước 2: Hệ thống kiểm tra dữ liệu mà Cán bộ tổ chức cấp cơ sở cập nhật:

 + Nếu thông tin hồ sơ hợp lệ thì lưu trữ vào cơ sở dữ liệu;

 + Nếu thông tin hồ sơ không hợp lệ, hiển thị thông báo lỗi cho Cán bộ tổ chức cấp cơ sở để Cán bộ tổ chức cấp cơ sở chỉnh sửa lại thông tin hồ sơ CBCCVC.

 - Bước 3: Cán bộ tổ chức Sở Nội vụ kiểm tra hồ sơ của các đơn vị đã nhập vào hệ thống và tiến hành xác thực thông tin:

 + Nếu thông tin không chính xác, Cán bộ tổ chức Sở Nội vụ gửi thông tin phản hồi về hồ sơ đến Cán bộ tổ chức cấp cơ sở để điều chỉnh thông tin;

 + Nếu thông tin chính xác, Cán bộ tổ chức Sở Nội vụ tiến hành xác thực hồ sơ. Hệ thống lưu trữ các thông tin xác thực vào cơ sở dữ liệu.

**4. Đối tượng và phạm vi áp dụng**

**a. Đối tượng áp dụng**

- Các cơ quan quản lý nhà nước bao gồm công chức tại các sở, ngành cấp tỉnh và Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập hưởng ngân sách nhà nước (đơn vị sự nghiệp trực thuộc ủy ban nhân dân thành phố; đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện; đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc Sở Y tế; các đơn vị sự nghiệp khác, các tổ chức hội)

- Các xã, phường, thị trấn.

**b. Phạm vi áp dụng**

Sáng kiến áp dụng trên phạm vi toàn tỉnh và có thể nhân rộng sang địa phương khác.

**5. Đóng góp ý tưởng của sáng kiến:**

 Đẩy mạnh Tin học hóa trong công tác tổ chức quản lý nhân sự trong các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp từ cấp tỉnh đến cấp xã; cung cấp kho lưu trữ CSDL hồ sơ nhân sự đầy đủ, chính xác; cung cấp các chức năng quản lý thông tin nhân sự (hình ảnh, thông tin, số liệu về CBCCVC…), quá trình công tác, đào tạo, quá trình lương phụ cấp… của CBCCVC ở các cơ quan, đơn vị một cách hiệu quả và khai thác tốt. Số lượng yêu cầu quản lý gồm 35.875 hồ sơ CBCCVC các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và các xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn Tỉnh Hà Tĩnh.

 Qua đó giúp cho các cơ quan, đơn vị theo dõi quá trình biến đổi thông tin của mỗi cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình công tác từ khi bắt đầu vào cơ quan cho đến nghỉ hưu. Mặt khác giúp các đơn vị có thẩm quyền quản lý cán bộ công chức, viên chức quản lý hồ sơ nhân sự hiệu quả, giảm chi phí, thời gian, công sức, thuận tiện trọng việc tra cứu tìm kiếm hồ sơ cán bộ công chức, viên chức. Hệ thống phần mềm có các chức năng phân quyền đến từng phòng, ban, CBCC, CV được phép xem, sửa, xóa… đảm bảo tính bảo mật của hồ sơ.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA SỞ NỘI VỤ** | **NHÓM TÁC GIẢ** |
| **KT. GIÁM ĐỐC****PHÓ GIÁM ĐỐC** | **Cù Huy Cẩm** | **Trần Đình Trung**  |
|  |  **Trần Hoài Nam** |  **Lâm Ngọc Dũng** |

PHỤ LỤC MÔ TẢ CÁC YÊU CẦU QUẢN LÝ CỦA PHẦN MỀM

 **Bảng 1.** Nội dung cần quản lý của phần mềm

| **STT** | **Nội dung cần quản lý** | **Diễn giải** |
| --- | --- | --- |
|  | **Nhóm 1: Thông tin về tổ chức bộ máy** |
|  | Tên cơ quan, đơn vị (\*) | Tên gọi theo quyết định thành lập |
|  | Tên cơ quan, đơn vị chủ quản (\*) | Đơn vị cấp trên trực tiếp |
|  | Cấp trong hệ thống tổ chức (\*) | Thành phố, thị xã/huyện, phường/xã/thị trấn |
|  | Loại hình hoạt động (\*) | Trung tâm, chi cục, bệnh viện… |
|  | Chức năng (\*) | Sự nghiệp, sự nghiệp liên kết, sự nghiệp kiêm nhiệm |
|  | Phân loại đơn vị sự nghiệp (\*) | Tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động, đảm bảo một phần chi phí hoạt động, hoặc nhà nước đảm bảo chi phí hoạt động |
|  | Các quyết định liên quan (\*) | Thành lập, giải thể, sát nhập, đổi tên… |
|  | Khen thưởng, kỷ luật (\*) | Thời gian, hình thức, lý do, quyết định… |
|  | Chỉ tiêu biên chế theo năm (\*) | Năm nhận chỉ tiêu, dự kiến phân bổ, tổng số chỉ tiêu |
|  | **Nhóm 2: Thông tin về nhân thân** |
|  | Họ và tên (\*) | Ghi theo khai sinh |
|  | Họ và tên thường dùng | Tên thường gọi, bí danh (nếu có) |
|  | Giới tính (\*) | Nam, nữ |
|  | Ngày, tháng, năm sinh (\*) | Ngày sinh theo khai sinh. Nếu không rõ ngày sinh, có thể ghi năm sinh. Các quyết định chính sách (bảo hiểm, nghỉ hưu, thôi việc…) sẽ căn cứ vào ngày tháng ban hành các văn bản, quyết định, công nhận… của cơ quan chức năng ban hành cho từng hồ sơ cụ thể. |
|  | Mã cán bộ, công chức (\*) | Mã CBCCVC do Sở Nội vụ cấp. Trường hợp nhân viên chưa có mã (hợp đồng, tạm tuyển…), đơn vị có thể tạm cấp mã (ví dụ, số CMND của CBCCVC). |
|  | Số CMND (\*) | Số CMND do cơ quan Công an cấp |
|  | Ngày cấp CMND (\*) |  |
|  | Nơi cấp CMND (\*) |  |
|  | Số thẻ căn cước công dân | Dự kiến kết nối với hệ thống quản lý căn cước công dân của cơ quan Công an |
|  | Ngày cấp thẻ căn cước | Dự kiến kết nối với hệ thống quản lý căn cước công dân của cơ quan Công an |
|  | Nơi cấp thẻ căn cước | Dự kiến kết nối với hệ thống quản lý căn cước công dân của cơ quan Công an |
|  | Nơi sinh (\*) | Ghi theo khai sinh |
|  | Nguyên quán (\*) | Ghi nguyên quán (quê quán) của cha. |
|  | Địa chỉ hộ khẩu thường trú (\*) | Ghi theo hộ khẩu |
|  | Địa chỉ nơi ở hiện nay (\*) |  |
|  | Điện thoại di động | Lưu 1 số điện thoại di động chính thức dùng liên hệ công tác |
|  | Điện thoại nhà | Lưu 1 số điện thoại nhà của CBCCVC (nếu có) |
|  | Địa chỉ email | Lưu 1 địa chỉ email chính thức dùng liên hệ công tác |
|  | Thông tin người liên hệ khi cần | Họ tên người liên hệ, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên hệ |
|  | Dân tộc (\*) | Thuộc danh bạ dân tộc chính thức |
|  | Tôn giáo (\*) | Thuộc danh bạ tôn giáo chính thức |
|  | Thành phần xuất thân (\*) | Công nhân, nông dân, trí thức… |
|  | Tình trạng hôn nhân (\*) | Tình trạng hôn nhân hiện tại (độc thân, đơn thân, kết hôn, ly dị, tái hôn…) |
|  | Thông tin về vợ/chồng | Lưu các thông tin cơ bản về vợ/chồng: Họ tên, năm sinh, nơi sinh, quê quán, dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, địa chỉ thường trú, địa chỉ nơi ở. |
|  | Tình trạng sức khỏe (\*) | Chiều cao, cân nặng, phân loại sức khỏe. |
|  | **Nhóm 3: Thông tin chuyên môn nhân sự** |
|  | Văn hóa phổ thông (\*) | 12/12 |
|  | Học hàm | Giáo sư, Phó giáo sư. |
|  | Năm phong học hàm | Lưu năm phong học hàm cao nhất (nếu có) |
|  | Học vị (\*) | Lưu học vị (kỹ sư, cử nhân, bác sĩ, thạc sĩ, tiến sĩ…) cao nhất và các học vị trước đó |
|  | Năm đạt học vị (\*) | Lưu các mốc thời gian đạt từng học vị |
|  | Trình độ chuyên môn (\*) | Quản lý chuyên môn chính và các chuyên môn khác (nếu có) |
|  | Chuyên ngành đào tạo (\*) | Quản lý chuyên ngành chính và các chuyên ngành đào tạo khác (nếu có) |
|  | Nơi đào tạo | Lưu thông tin nơi cấp từng học vị tương ứng |
|  | Năm tốt nghiệp | Lưu năm tốt nghiệp tương ứng từng học vị |
|  | Lý luận chính trị (\*) | Thông tin quá trình bồi dưỡng chính trị, các bằng cấp lý luận chính trị đã có |
|  | Quản lý hành chính nhà nước (\*) | Thông tin quá trình bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính nhà nước, các chứng chỉ quản lý hành chính nhà nước đã có |
|  | Quản lý kinh tế | Thông tin quá trình bồi dưỡng kiến thức quản kinh tế, các bằng cấp quản lý kinh tế đã có |
|  | Kiến thức an ninh, quốc phòng | Thông tin văn bằng, chứng chỉ kiến thức an ninh quốc phòng |
|  | Ngoại ngữ (\*) | Trình độ ngoại ngữ, bằng cấp, chứng chỉ ngoại ngữ đã có. |
|  | Tin học (\*) | Trình độ tin học, bằng cấp, chứng chỉ tin học đã có.  |
|  | Đi nước ngoài | Quá trình đi nước ngoài: các quốc gia đã đi, lý do đi, ngày đi, ngày về, nguồn kinh phí. |
|  | Ngôn ngữ dân tộc thiểu số  | Khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số  |
|  | **Nhóm 4: Thông tin quá trình công tác**  |
|  | Đơn vị công tác (\*) | Phòng, ban, trung tâm, bệnh viện, trạm xá, chi cục… |
|  | Thông tin tuyển dụng (\*) | Thông tin tuyển dụng: ngày tuyển dụng đầu tiên, cơ quan tuyển dụng đầu tiên, nghề nghiệp trước khi tuyển dụng, hình thức tuyển dụng, ngày tuyển dụng chính thức, số quyết định tuyển dụng, vị trí tuyển dụng hiện tại.  |
|  | Công việc hiện tại (\*) | Ngày vào cơ quan hiện nay, công việc chuyên môn hiện nay |
|  | Quá trình công tác (\*) | Ngày vào ngành, năng lực, sở trường công tác |
|  | Khen thưởng (\*) | Hình thức khen thưởng, lý do khen thưởng, cấp ra quyết định khen thưởng, năm nhận quyết định khen thưởng (chỉ lưu các hình thức khen từ cấp tỉnh trở lên).  |
|  | Kỷ luật (\*) | Thông tin về các kỷ luật (nếu có): hình thức kỷ luật, lý do kỷ luật, cấp ra kỷ luật, ngày nhận kỷ luật, ngày xóa kỷ luật.  |
|  | **Nhóm 5: Thông tin quá trình lương** |
|  | Ngạch (\*) | Mã số ngạch, chức danh, ngày hưởng ngạch. |
|  | Bậc (\*) | Bậc số, ngày hưởng bậc, mốc để xét nâng bậc lương lần sau. |
|  | Hệ số lương (\*) | Hệ số lương hiện hưởng, tỷ lệ hưởng, hệ số vượt khung. |
|  | Tổng lương cơ bản (\*) |  |
|  | Phụ cấp thâm niên (\*) | Hình thức phụ cấp thâm niên, năm bắt đầu nhận phụ cấp thâm niên, tỷ lệ phụ cấp thâm niên, mốc tính phụ cấp thâm niên vượt khung lần sau. |
|  | Chức vụ trong đơn vị (\*) | Chức vụ hiện giữ trong đơn vị.  |
|  | Ngày bổ nhiệm (\*) | Ngày bổ nhiệm chức vụ hiện giữ trong đơn vị |
|  | Phụ cấp chức vụ (\*) | Hệ số phụ cấp chức vụ. |
|  | Tổng thu nhập theo lương, phụ cấp (\*) |  |
|  | Bảo hiểm xã hội (\*) | Mã hồ sơ BHXH, năm tham gia BHXH, năm gián đoạn (nếu có), năm tái tục (nếu có). |
|  | **Nhóm 6: Thông tin đoàn thể, chính sách** |
|  | Đoàn TNCS HCM | Ngày vào Đoàn, chức vụ Đoàn cao nhất, chức vụ Đoàn hiện nay |
|  | Đảng CSVN (\*) | Số thẻ đảng viên, ngày vào Đảng CSVN, ngày vào Đảng chính thức, chức vụ Đảng cao nhất, chức vụ Đảng hiện nay, chi bộ sinh hoạt |
|  | Ngày tham gia các tổ chức chính trị - xã hội khác (\*) | Các tổ chức chính trị - xã hội khác: Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động.  |
|  | Lực lượng vũ trang (\*) | Ngày tham gia LLVT, ngày giải ngũ, cấp bậc cao nhất trong LLVT, chức vụ cao nhất trong LLVT, danh hiệu LLVT được phong, năm phong tặng danh hiệu. |
|  | Đối tượng chính sách (\*) | Gia đình liệt sĩ, có công với cách mạng… |
|  | Thương binh (\*) | Hạng thương binh, tỷ lệ thương tật, tình trạng sức khỏe |

**Bảng 2. Các yêu cầu chức năng, nghiệp vụ quản lý của phần mềm**

| **TT** | **MÔ TẢ YÊU CẦU** |
| --- | --- |
| **A** | **NHÓM CHỨC NĂNG DÀNH CHO NGƯỜI DÙNG** |
| **1** | **QUẢN LÝ THÔNG TIN HỒ SƠ CBCCVC** |
| **1.1** | **Quản lý thông tin chung của CBCCVC** |
|  | Hiển thị danh sách CBCCVC theo đơn vị |
|  | Thêm mới hồ sơ cán bộ công chức, viên chức |
|  | Chỉnh sửa, bổ sung thông tin hồ sơ CBCCVC  |
|  | Tìm kiếm thông tin hồ sơ CBCCVC đang công tác (theo mầu 2C và 2c) |
|  | Hiển thị thông tin hồ sơ CBCCVC đang công tác |
| **1.2** | **Quản lý thông tin quá trình biên chế, hợp đồng** |
|  | Hiển thị danh sách quá trình biên chế, hợp đồng |
|  | Thêm mới thông tin biên chế, hợp đồng |
|  | Chỉnh sửa thông tin biên chế, hợp đồng |
|  | Xóa thông tin biên chế, hợp đồng |
|  | Tìm kiếm thông tin biên chế, hợp đồng |
|  | Hiển thị chi tiết thông tin biên chế, hợp đồng |
| **1.3** | **Quản lý thông tin quá trình công tác** |
|  | Hiển thị danh sách quá trình công tác của CBCCVC |
|  | Thêm mới thông tin công tác của CBCCVC |
|  | Chỉnh sửa các thông tin công tác hiện tại của CBCCVC |
|  | Xóa quá trình công tác của CBCCVC |
|  | Tìm kiếm thông tin công tác của CBCCVC |
|  | Hiển thị chi tiết thông tin công tác của CBCCVC |
| **1.4** | **Quản lý thông tin kiêm nhiệm, biệt phái** |
|  | Xem danh sách hồ sơ CBCCVC kiêm nhiệm, biệt phái theo đơn vị |
|  | Thêm mới thông tin kiêm nhiệm, biệt phái cho hồ sơ cán bộ |
|  | Chỉnh sửa thông tin kiêm nhiệm, biệt phái |
|  | Xóa thông tin kiêm nhiệm, biệt phái |
|  | Tìm kiếm thông tin kiêm nhiệm, biệt phái của CBCCVC |
| **1.5** | **Quản lý thông tin quá trình công tác nước ngoài** |
|  | Xem danh sách quá trình công tác nước ngoài |
|  | Thêm mới thông tin công tác nước ngoài |
|  | Chỉnh sửa thông tin công tác nước ngoài |
|  | Xóa thông tin công tác nước ngoài |
| **1.6** | **Quản lý thông tin quá trình lương** |
|  | Hiển thị danh sách quá trình lương của CBCCVC |
|  | Thêm mới thông tin lương của CBCCVC |
|  | Chỉnh sửa các thông tin lương hiện tại của CBCCVC |
|  | Xóa quá trình lương của CBCCVC |
|  | Tìm kiếm thông tin lương của CBCCVC |
|  | Hiển thị chi tiết thông tin lương của CBCCVC |
| **1.7** | **Quá trình thông tin quá trình đào tạo, bồi dưỡng** |
|  | Hiển thị thông tin đào tạo, bồi dưỡng hiện tại của CBCCVC |
|  | Hiển thị quá trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn của CBCCVC |
|  | Hiển thị quá trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ của CBCCVC |
|  | Hiển thị quá trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn của CBCCVC |
|  | Hiển thị quá trình đào tạo, bồi dưỡng phổ thông của CBCCVC |
|  | Thêm mới thông tin đào tạo, bồi dưỡng của CBCCVC |
|  | Chỉnh sửa các thông tin đào tạo, bồi dưỡng hiện tại của CBCCVC |
|  | Xóa quá trình đào tạo, bồi dưỡng của CBCCVC |
|  | Tìm kiếm thông tin đào tạo, bồi dưỡng của CBCCVC |
| **1.8** | **Quản lý thông tin quá trình khen thưởng, kỷ luật** |
|  | Xem hồ sơ CBCCVC được khen thưởng, bị kỷ luật |
|  | Thêm mới hình thức khen thưởng, kỷ luật |
|  | Cập nhật hình thức khen thưởng, kỷ luật |
|  | Xóa hình thức khen thưởng, kỷ luật |
|  | Cập nhật quyết định khen thưởng, kỷ luật cho hồ sơ CBCCVC |
|  | Tìm kiếm thông tin khen thưởng, kỷ luật của CBCCVC |
| **1.9** | **Quản lý thông tin quá trình bảo hiểm xã hội**  |
|  | Xem danh sách thông tin bảo hiểm xã hội |
|  | Thêm mới thông tin bảo hiểm xã hội  |
|  | Chỉnh sửa thông tin bảo hiểm xã hội |
|  | Xóa thông tin bảo hiểm xã hội |
|  | Tìm kiếm thông tin bảo hiểm xã hội |
|  | Hiển thị chi tiết thông tin bảo hiểm xã hội |
| **1.10** | **Quản lý thông tin nhân thân** |
|  | Hệ thống hiển thị thông tin nhân thân liên quan của CBCCVC |
|  | Thêm mới thông tin nhân thân của CBCCVC |
|  | Chỉnh sửa thông tin nhân thân của CBCCVC |
|  | Xóa thông tin nhân thân của CBCCVC |
| **1.11** | **Quản lý thông tin quá trình công tác Đảng, đoàn thể** |
|  | Xem danh sách thông tin quá trình công tác Đảng, đoàn thể |
|  | Thêm mới thông tin công tác Đảng, đoàn thể |
|  | Chỉnh sửa thông tin công tác Đảng, đoàn thể |
|  | Xóa thông tin công tác Đảng, đoàn thể |
|  | Tìm kiếm thông tin công tác Đảng, đoàn thể |
|  | Hiển thị chi tiết thông tin công tác Đảng, đoàn thể |
| **1.12** | **Quản lý các thông tin khác của CBCCVC** |
|  | Hệ thống hiển thị các thông tin khác liên quan CBCC |
|  | Thêm các thông tin khác liên quan CBCC |
|  | Chỉnh sửa các thông tin khác liên quan CBCC |
|  | Xóa các thông tin khác liên quan CBCC |
| **2** | **NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ CBCCVC** |
| **2.1** | **Quản lý tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức** |
|  | Thêm mới hồ sơ tiếp nhận CBCCVC |
|  | Cập nhật hồ sơ tiếp nhận CBCCVC |
|  | Xóa hồ sơ tiếp nhận CBCCVC |
|  | Tìm kiếm hồ sơ tiếp nhận CBCCVC |
|  | Xem hồ sơ tiếp nhận CBCCVC |
| **2.2** | **Quản lý lao động hợp đồng (LĐHD)**  |
|  | Thêm mới nội dung gia hạn/chấm dứt LĐHĐ |
|  | Cập nhật nội dung gia hạn/chấm dứt LĐHĐ |
|  | Xóa nội dung gia hạn/chấm dứt LĐHĐ |
|  | Tìm kiếm hồ sơ gia hạn/chấm dứt LĐHĐ |
|  | Xem hồ sơ gia hạn/chấm dứt LĐHĐ |
|  | Xem danh sách gia hạn/chấm dứt LĐHĐ |
|  | Cập nhật quyết định gia hạn/chấm dứt LĐHĐ |
| **2.3** | **Chuyển từ lao động hợp đồng (LĐHĐ) vào ngạch công chức, viên chức** |
|  | Thêm mới thông tin hồ sơ chuyển từ LĐHĐ vào ngạch công chức, viên chức |
|  | Cập nhật thông tin hồ sơ chuyển từ LĐHĐ vào ngạch công chức, viên chức |
|  | Xóa thông tin hồ sơ chuyển từ LĐHĐ vào ngạch công chức, viên chức |
|  | Xem danh sách hồ sơ chuyển từ LĐHĐ vào ngạch công chức, viên chức |
|  | Cập nhật quyết định chuyển từ LĐHĐ vào ngạch công chức, viên chức |
| **2.4** | **Quản lý hồ sơ chuyển công tác (điều động, luân chuyển)** |
|  | Tìm kiếm hồ sơ CBCCVC chuyển công tác |
|  | Xem hồ sơ CBCCVC chuyển công tác |
|  | Thêm mới hồ sơ CBCCVC chuyển công tác |
|  | Cập nhật hồ sơ CBCCVC chuyển công tác |
|  | Xóa hồ sơ CBCCVC chuyển công tác |
|  | Cập nhật quyết định cho CBCCVC chuyển công tác |
| **2.5** | **Quản lý bổ nhiệm, bổ nhiệm lại** |
|  | Tìm kiếm hồ sơ CBCCVC bổ nhiệm, bổ nhiệm lại |
|  | Xem hồ sơ CBCCVC bổ nhiệm, bổ nhiệm lại |
|  | In hồ sơ CBCCVC bổ nhiệm, bổ nhiệm lại |
|  | Cập nhật quyết định cho các hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại |
| **2.6** | **Quản lý miễn nhiệm, từ chức** |
|  | Tìm kiếm hồ sơ CBCCVC miễn nhiệm, từ chức |
|  | Xem hồ sơ CBCCVC miễn nhiệm, từ chức |
|  | In hồ sơ CBCCVC miễn nhiệm, từ chức |
|  | Cập nhật quyết định cho các hồ sơ miễn nhiệm, từ chức |
| **2.7** | **Chuyển ngạch bậc lương** |
|  | Thêm mới hồ sơ chuyển ngạch bậc lương do chuyển việc |
|  | Cập nhật hồ sơ chuyển ngạch bậc lương do chuyển việc |
|  | Xóa hồ sơ chuyển ngạch bậc lương do chuyển việc |
|  | Tìm kiếm hồ sơ chuyển ngạch bậc lương do chuyển việc |
|  | Xem hồ sơ chuyển ngạch bậc lương do chuyển việc |
|  | Tìm kiếm danh sách CBCCVC chuyển ngạch bậc lương do chuyển việc |
|  | Xem danh sách CBCCVC chuyển ngạch bậc lương do chuyển việc |
| **2.8** | **Quản lý nâng bậc lương thường xuyên** |
|  | Thêm mới kỳ nâng lương thường xuyên |
|  | Cập nhật thông tin kỳ nâng lương thường xuyên |
|  | Xóa kỳ nâng lương thường xuyên |
|  | Tìm kiếm danh sách kỳ nâng lương thường xuyên |
|  | Xem thông tin các kỳ nâng lương thường xuyên |
|  | Tìm kiếm danh sách CBCCVC được nâng lương thường xuyên |
|  | Xem danh sách CBCCVC được nâng lương thường xuyên |
|  | Cập nhật quyết định nâng lương thường xuyên cho hồ sơ CBCCVC |
| **2.9** | **Quản lý nâng bậc lương trước thời hạn** |
|  | Thêm mới kỳ nâng lương trước thời hạn |
|  | Cập nhật thông tin kỳ nâng lương trước thời hạn |
|  | Xóa kỳ nâng lương trước thời hạn |
|  | Tìm kiếm kỳ nâng lương trước thời hạn |
|  | Xem thông tin kỳ nâng lương trước thời hạn |
|  | Tìm kiếm danh sách CBCCVC được nâng lương trước thời hạn |
|  | Xem danh sách CBCCVC được nâng lương trước thời hạn |
|  | Cập nhật quyết định nâng lương trước hạn cho các hồ sơ CBCCVC |
| **2.10** | **Quản lý đi công tác nước ngoài**  |
|  | Thêm mới nội dung CBCCVC đi công tác nước ngoài |
|  | Cập nhật thông tin CBCCVC đi công tác nước ngoài |
|  | Xóa nội dung CBCCVC đi công tác nước ngoài |
|  | Tìm kiếm hồ sơ CBCCVC đi công tác nước ngoài |
|  | Xem hồ sơ CBCCVC đi công tác nước ngoài |
|  | Tìm kiếm danh sách hồ sơ CBCCVC đi công tác nước ngoài |
|  | Xem danh sách hồ sơ CBCCVC đi công tác nước ngoài |
|  | Cập nhật quyết định cho các hồ sơ CBCCVC đi công tác nước ngoài |
| **2.11** | **Tiếp nhận lại CBCCVC đi học dài hạn ở nước ngoài (CB-HDHNN) trở về**  |
|  | Thêm mới nội dung tiếp nhận lại CB-HDHNN trở về |
|  | Cập nhật thông tin nội dung tiếp nhận lại CB-HDHNN trở về |
|  | Xóa nội dung tiếp nhận lại CB-HDHNN trở về |
|  | Tìm kiếm nội dung tiếp nhận lại CB-HDHNN trở về |
|  | Xem nội dung tiếp nhận lại CB-HDHNN trở về |
|  | Tìm kiếm danh sách hồ sơ CB-HDHNN trở về |
|  | Xem danh sách hồ sơ CB-HDHNN trở về |
|  | Cập nhật quá trình đi học vào hồ sơ CB-HDHNN trở về |
|  | Cập nhật quyết định cho các hồ sơ CB-HDHNN trở về |
| **2.12** | **Quản lý quy hoạch cán bộ, công chức, viên chức**  |
|  | Thêm mới hồ sơ ứng viên quy hoạch |
|  | Cập nhật hồ sơ ứng viên quy hoạch |
|  | Xóa hồ sơ ứng viên quy hoạch |
|  | Tìm kiếm hồ sơ ứng viên quy hoạch |
|  | Xem hồ sơ ứng viên quy hoạch |
|  | Tìm kiếm danh sách quy hoạch cho các chức danh theo từng thời kỳ |
|  | Xem danh sách quy hoạch cho các chức danh theo từng thời kỳ |
| **2.13** | **Quản lý danh sách nghỉ hưu** |
|  | Hệ thống hiển thị các thông tin tùy chọn để lập danh sách nghỉ hưu đối với CBCCVC |
|  | Lập danh sách nghỉ hưu |
|  | Xác nhận danh sách nghỉ hưu |
|  | Xuất danh sách nghỉ hưu ra file excel |
| **2.14** | **Quản lý danh sách thôi việc** |
|  | Hệ thống hiển thị các thông tin tùy chọn để lập danh sách thôi việc đối với CBCCVC |
|  | Lập danh sách thôi việc |
|  | Xác nhận danh sách thôi việc |
|  | Xuất danh sách thôi việc ra file excel |
| **3** | **QUẢN LÝ ĐÀO TẠO** |
| **3.1** | **Quản lý nhu cầu đào tạo**  |
|  | Tìm kiếm hồ sơ CBCCVC đăng ký nhu cầu đào tạo |
|  | Xem hồ sơ CBCCVC đăng ký nhu cầu đào tạo |
|  | In hồ sơ CBCCVC đăng ký nhu cầu đào tạo |
|  | Thêm mới hồ sơ CBCCVC đăng ký nhu cầu đào tạo |
|  | Cập nhật hồ sơ CBCCVC đăng ký nhu cầu đào tạo |
|  | Xóa hồ sơ CBCCVC đăng ký nhu cầu đào tạo |
| **3.2** | **Quản lý lớp học** |
|  | Tạo mới lớp học |
|  | Chỉnh sửa thông tin lớp học |
|  | Xóa thông tin lớp học |
|  | Tìm kiếm lớp học |
| **3.3** | **Cử cán bộ tham gia đào tạo** |
|  | Tạo mới danh sách CBCC được cử đi đào tạo |
|  | Chỉnh sửa danh sách CBCC được cử đi đào tạo |
|  | Xóa tên người khỏi danh sách CBCC được cử đi đào tạo |
|  | Chuyển danh sách đào tạo CBCC  |
|  | Tìm kiếm CBCC được cử đi học |
| **3.4** | **Quản lý quá trình cử CBCC tham gia đào tạo** |
|  | Hiển thị danh sách lớp học, danh sách CBCC chính thức được cử đi học |
|  | Nhập thông tin kết quả điểm, văn bằng, chứng chỉ đào tạo cho CBCC |
|  | Chỉnh sửa thông tin kết quả điểm, văn bằng, chứng chỉ đào tạo cho CBCC |
| **4** | **BÁO CÁO THỐNG KÊ** |
| **4.1** | **Báo cáo số lượng, chất lượng**  |
|  | Xem, in báo cáo số lượng, chất lượng công chức |
|  | Xuất báo cáo số lượng, chất lượng công chức |
|  | Xem, in báo cáo số lượng, chất lượng viên chức |
|  | Xuất báo cáo số lượng, chất lượng viên chức |
|  | Xem, in danh sách cán bộ, công chức, viên chức |
|  | Xuất danh sách cán bộ, công chức viên chức |
|  | Xem, in báo cáo chất lượng cán bộ, công chức lãnh đạo |
|  | Xuất báo cáo chất lượng cán bộ, công chức lãnh đạo |
|  | Xem, in báo cáo chất lượng nữ cán bộ, công chức |
|  | Xuất báo cáo chất lượng nữ cán bộ, công chức |
|  | Xem, in báo cáo tình hình sử dụng phần mềm |
|  | Xuất báo cáo tình hình sử dụng phần mềm |
|  | Xuất báo cáo số lượng công chức, viên chức theo độ tuổi |
|  | Xuất báo cáo số lượng công chức, viên chức theo vị trí công tác (vị trí việc làm) |
| **4.2** | **Báo cáo thống kê đào tạo - bồi dưỡng** |
|  | Xem, in báo cáo theo chức danh đào tạo  |
|  | Xuất báo cáo theo chức danh đào tạo |
|  | Xem, in báo cáo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức  |
|  | Xuất báo cáo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức |
| **5** | **TRA CỨU - TÌM KIẾM** |
| **5.1** | **Tìm kiếm nhanh** |
|  | Tìm kiếm theo họ tên, chức vụ, đơn vị |
|  | Hiển thị kết quả tìm kiếm |
|  | Lọc kết quả tìm kiếm |
|  | Xuất kết quả tìm kiếm ra Html, Excel |
| **5.2** | **Tìm kiếm nâng cao** |
|  | Tìm kiếm CBCC theo các thông tin chung |
|  | Tìm kiếm CBCC theo thông tin biên chế, hợp đồng |
|  | Tìm kiếm CBCC theo thông tin công tác |
|  | Tìm kiếm CBCC theo thông tin kiêm nhiệm/biệt phái |
|  | Tìm kiếm CBCC theo thông tin lương, phụ cấp |
|  | Tìm kiếm CBCC theo thông tin đào tạo, bồi dưỡng |
|  | Tìm kiếm CBCC theo các thông tin khác |
|  | Lọc kết quả tìm kiếm |
|  | Xuất kết quả tìm kiếm ra Html, Excel |
| **5.3** | **Thiết lập tìm kiếm** |
|  | Tùy biến chọn các trường thông tin hiển thị trong kết quả tìm kiếm |
|  | Lưu kết quả tìm kiếm |
|  | Chia sẻ kết quả tìm kiếm cho người dùng khác |
| **6** | **QUẢN LÝ TỔ CHỨC BỘ MÁY** |
| **6.1** | **Quản lý việc thành lập và tổ chức bộ máy** |
|  | Thêm mới tổ chức bộ máy (đơn vị, phòng ban) |
|  | Cập nhật tổ chức bộ máy (đơn vị, phòng ban) |
|  | Xóa tổ chức bộ máy (đơn vị, phòng ban) |
|  | Tìm kiếm tổ chức bộ máy (đơn vị, phòng ban) |
|  | Xem tổ chức bộ máy (đơn vị, phòng ban) |
|  | Sắp xếp tổ chức bộ máy (đơn vị, phòng ban) |
| **6.2** | **Quản lý việc giải thể, sát nhập, đổi tên tổ chức bộ máy**  |
|  | Giải thể tổ chức bộ máy (đơn vị, phòng ban) |
|  | Sát nhập tổ chức bộ máy (đơn vị, phòng ban) |
|  | Chia tách tổ chức bộ máy (đơn vị, phòng ban) |
|  | Đổi tên tổ chức bộ máy (đơn vị, phòng ban) |
|  | Tìm kiếm lịch sử tổ chức bộ máy (đơn vị, phòng ban) |
|  | Xem lịch sử tổ chức bộ máy (đơn vị, phòng ban) |
|  | In lịch sử tổ chức bộ máy (đơn vị, phòng ban) |
| **6.3** | **Quản lý quá trình giao biên chế của tổ chức** |
|  | Xem thông tin quá trình biên chế |
|  | Thêm mới biên chế |
|  | Chỉnh sửa biên chế |
|  | Xóa biên chế |
| **6.4** | **Quản lý quá trình lịch sử của tổ chức** |
|  | Xem thông tin quá trình lịch sử của tổ chức |
|  | Thêm mới lịch sử tổ chức |
|  | Chỉnh sửa lịch sử tổ chức |
|  | Xóa lịch sử tổ chức |
| **7** | **TIỆN ÍCH HỆ THỐNG** |
| **7.1** | **Tiện ích "chat"** |
|  | Người dùng có thể xem danh sách các đoạn "chat" của các người dùng khác trên màn hình |
|  | Người dùng có thể thêm mới nội dung "chat" để trao đổi |
| **7.2** | **Trao đổi nội bộ** |
|  | Gửi thông tin trao đổi cho CBCC trong đơn vị |
|  | Xem danh sách các trao đổi nội bộ |
|  | Xem chi tiết trao đổi bội bộ |
|  | Xóa trao đổi nội bộ |
| **B** | **NHÓM CHỨC NĂNG DÀNH CHO QUẢN TRỊ HỆ THỐNG** |
| **1** | **QUẢN LÝ NGƯỜI DÙNG - PHÂN QUYỀN** |
| **1.1** | **Quản lý thông tin người dùng** |
|  | Hiển thị danh sách người dùng |
|  | Thêm mới người dùng |
|  | Chỉnh sửa thông tin người dùng |
|  | Tìm kiếm người dùng |
|  | Mở/khóa quyền truy cập của người dùng |
|  | Xóa người sử dụng khỏi hệ thống |
| **1.2** | **Quản lý nhóm người dùng** |
|  | Hiển thị danh sách nhóm người dùng |
|  | Thêm mới nhóm người dùng |
|  | Phân quyền truy cập các chức năng cho nhóm người dùng |
|  | Xóa quyền truy cập các chức năng của nhóm người dùng |
|  | Chỉnh sửa nhóm người dùng |
|  | Xóa nhóm người dùng |
|  | Tìm kiếm nhóm người dùng |
| **1.3** | **Quản lý chức năng** |
|  | Hiển thị danh sách chức năng |
|  | Thêm mới chức năng |
|  | Chỉnh sửa chức năng |
|  | Xóa chức năng |
|  | Tìm kiếm chức năng |
| **1.4** | **Phân quyền chức năng cho người dùng** |
|  | Phân quyền truy cập các chức năng cho người dùng |
|  | Chỉnh sửa các quyền truy cập của người dùng |
|  | Gán người dùng vào nhóm người dùng |
|  | Xóa người dùng khỏi nhóm người dùng |
|  | Gán hồ sơ CBCCVC cho người dùng |
| **1.5** | **Quản lý theo dõi, truy vết người dùng** |
|  | Xem những người dùng đang kết nối hệ thống |
|  | Tìm kiếm người dùng đang kết nối hệ thống |
|  | Ngắt kết nối người dùng đang đăng nhập hệ thống |
|  | Xem lịch sử truy cập phần mềm của người dùng |
| **2** | **NHÓM CHỨC NĂNG TỪ ĐIỂN DỮ LIỆU** |
| **2.1** | **Quản lý từ điển hồ sơ CBCCVC** |
|  | Xem danh sách từ điển hồ sơ CBCCVC |
|  | Thêm mới từ điển hồ sơ CBCCVC |
|  | Chỉnh sửa từ điển hồ sơ CBCCVC |
|  | Xóa từ điển hồ sơ CBCCVC |
|  | Tìm kiếm từ điển hồ sơ CBCCVC |
| **2.2** | **Quản lý từ điển tổ chức bộ máy** |
|  | Xem danh sách từ điển tổ chức bộ máy |
|  | Thêm mới từ điển tổ chức bộ máy |
|  | Chỉnh sửa từ điển tổ chức bộ máy |
|  | Xóa từ điển tổ chức bộ máy |
|  | Tìm kiếm từ điển tổ chức bộ máy |
| **3** | **NHÓM CHỨC NĂNG CẤU HÌNH, THIẾT LẬP HỆ THỐNG** |
| **3.1** | **Chức năng hệ thống** |
|  | Đăng nhập hệ thống |
|  | Thay đổi thông tin cá nhân |
|  | Đăng xuất |
| **3.2** | **Quản lý menu hệ thống** |
|  | Thêm mới menu hệ thống |
|  | Cập nhật menu hệ thống |
|  | Xóa menu hệ thống |
|  | Tìm kiếm menu hệ thống |
| **3.3** | **Quản lý tham số hệ thống** |
|  | Thêm mới tham số hệ thống |
|  | Cập nhật tham số hệ thống |
|  | Xóa tham số hệ thống |
|  | Tìm kiếm tham số hệ thống |
| **4** | **QUẢN LÝ DANH MỤC HỆ THỐNG** |
| **4.1** | **Danh mục quốc gia** |
|  | Thêm mới tên quốc gia |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin tên quốc gia |
|  | Hiển thị danh sách các quốc gia |
| **4.2** | **Danh mục cấp tổ chức** |
|  | Thêm mới cấp tổ chức |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin cấp tổ chức |
|  | Hiển thị danh sách các cấp tổ chức |
| **4.3** | **Danh mục khối cơ quan** |
|  | Thêm mới khối cơ quan |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin khối cơ quan |
|  | Hiển thị danh sách khối cơ quan |
| **4.4** | **Danh mục đơn vị hành chính** |
|  | Thêm mới đơn vị hành chính |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin đơn vị hành chính |
|  | Hiển thị danh sách đơn vị hành chính |
| **4.5** | **Danh mục phân loại đơn vị sự nghiệp** |
|  | Thêm mới phân loại đơn vị sự nghiệp |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin phân loại đơn vị sự nghiệp |
|  | Hiển thị danh sách phân loại đơn vị sự nghiệp |
| **4.6** | **Danh mục hình thức chức vụ** |
|  | Thêm mới hình thức chức vụ |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin hình thức chức vụ |
|  | Hiển thị danh sách các hình thức chức vụ |
| **4.7** | **Danh mục chức vụ chuẩn** |
|  | Thêm mới chức vụ chuẩn |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin chức vụ chuẩn |
|  | Hiển thị danh sách chức vụ chuẩn |
| **4.8** | **Danh mục chức vụ Đảng** |
|  | Thêm mới chức vụ Đảng |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin chức vụ Đảng |
|  | Hiển thị danh sách chức vụ Đảng |
| **4.9** | **Danh mục chức vụ Đoàn** |
|  | Thêm mới chức vụ Đoàn |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin chức vụ Đoàn |
|  | Hiển thị danh sách chức vụ Đoàn |
| **4.10** | **Danh mục chức vụ quân đội** |
|  | Thêm mới chức vụ quân đội |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin chức vụ quân đội |
|  | Hiển thị danh sách chức vụ quân đội |
| **4.11** | **Danh mục chuyên ngành đào tạo** |
|  | Thêm mới chuyên ngành đào tạo |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin chuyên ngành đào tạo |
|  | Hiển thị danh sách chuyên ngành đào tạo |
| **4.12** | **Danh mục hình thức đào tạo** |
|  | Thêm mới hình thức đào tạo |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin hình thức đào tạo |
|  | Hiển thị danh sách hình thức đào tạo |
| **4.13** | **Danh mục loại hình đào tạo, bồi dưỡng** |
|  | Thêm mới loại hình đào tạo, bồi dưỡng |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin loại hình đào tạo, bồi dưỡng |
|  | Hiển thị danh sách loại hình đào tạo, bồi dưỡng |
| **4.14** | **Danh mục loại văn bằng, chứng chỉ** |
|  | Thêm mới loại văn bằng, chứng chỉ |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin loại văn bằng, chứng chỉ |
|  | Hiển thị danh sách |
| **4.15** | **Danh mục trường đào tạo** |
|  | Thêm mới trường đào tạo |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin trường đào tạo |
|  | Hiển thị danh sách trường đào tạo |
| **4.16** | **Danh mục nguồn kinh phí đào tạo** |
|  | Thêm mới nguồn kinh phí đào tạo |
|  | Chỉnh sửa, xóa nguồn kinh phí đào tạo |
|  | Hiển thị danh sách nguồn kinh phí đào tạo |
| **4.17** | **Danh mục hình thức tốt nghiệp** |
|  | Thêm mới hình thức tốt nghiệp |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin hình thức tốt nghiệp |
|  | Hiển thị danh sách hình thức tốt nghiệp |
| **4.18** | **Danh mục lĩnh vực** |
|  | Thêm mới lĩnh vực |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin lĩnh vực |
|  | Hiển thị danh sách lĩnh vực |
| **4.19** | **Danh mục cấp đề tài nghiên cứu khoa học** |
|  | Thêm mới cấp đề tài nghiên cứu khoa học |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin cấp đề tài nghiên cứu khoa học |
|  | Hiển thị danh sách cấp đề tài nghiên cứu khoa học |
| **4.20** | **Danh mục lĩnh vực nghiên cứu khoa học** |
|  | Thêm mới lĩnh vực nghiên cứu khoa học |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin lĩnh vực nghiên cứu khoa học |
|  | Hiển thị danh sách lĩnh vực nghiên cứu khoa học |
| **4.21** | **Danh mục dân tộc** |
|  | Thêm mới dân tộc |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin dân tộc |
|  | Hiển thị danh sách dân tộc |
| **4.22** | **Danh mục tôn giáo** |
|  | Thêm mới tôn giáo |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin tôn giáo |
|  | Hiển thị danh sách tôn giáo |
| **4.23** | **Danh mục thành phần xuất thân** |
|  | Thêm mới thành phần xuất thân |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin thành phần xuất thân |
|  | Hiển thị danh sách thành phần xuất thân |
| **4.24** | **Danh mục tình trạng hôn nhân** |
|  | Thêm mới tình trạng hôn nhân |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin tình trạng hôn nhân |
|  | Hiển thị danh sách tình trạng hôn nhân |
| **4.25** | **Danh mục đối tượng hưởng chính sách** |
|  | Thêm mới đối tượng hưởng chính sách |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin đối tượng hưởng chính sách |
|  | Hiển thị danh sách đối tưởng hưởng chính sách |
| **4.26** | **Danh mục loại khuyết tật** |
|  | Thêm mới loại khuyết tật |
|  | Chỉnh sửa, xóa loại khuyết tật |
|  | Hiển thị danh sách loại khuyết tật |
| **4.27** | **Danh mục hạng thương binh** |
|  | Thêm mới hạng thương binh |
|  | Chỉnh sửa, xóa hạng thương binh |
|  | Hiển thị danh sách hạng thương binh |
| **4.28** | **Danh mục danh hiệu phong tặng** |
|  | Thêm mới danh hiệu phong tặng |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin danh hiệu phong tặng |
|  | Hiển thị danh sách danh hiệu phong tặng |
| **4.29** | **Danh mục quan hệ gia đình** |
|  | Thêm mới quan hệ gia đình |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin quan hệ gia đình |
|  | Hiển thị danh sách quan hệ gia đình |
| **4.30** | **Danh mục đối tượng quản lý** |
|  | Thêm mới đối tượng quản lý |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin đối tượng quản lý |
|  | Hiển thị danh sách đối tượng quản lý |
| **4.31** | **Danh mục hình thức tuyển dụng** |
|  | Thêm mới hình thức tuyển dụng |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin hình thức tuyển dụng |
|  | Hiển thị danh sách hình thức tuyển dụng |
| **4.32** | **Danh mục vị trí tuyển dụng** |
|  | Thêm mới vị trí tuyển dụng |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin vị trí tuyển dụng |
|  | Hiển thị danh sách vị trí tuyển dụng |
| **4.33** | **Danh mục công việc chuyên môn** |
|  | Thêm mới công việc chuyên môn |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin công việc chuyên môn |
|  | Hiển thị danh sách công việc chuyên môn |
| **4.34** | **Danh mục năng lực sở trường** |
|  | Thêm mới năng lực sở trường |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin năng lực sở trường |
|  | Hiển thị danh sách năng lực sở trường |
| **4.35** | **Danh mục ngạch, chức danh** |
|  | Thêm mới nhóm ngạch, nhóm chức danh, ngạch, chức danh |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin nhóm ngạch, nhóm chức danh, ngạch, chức danh |
|  | Hiển thị danh sách nhóm ngạch, nhóm chức danh, ngạch, chức danh |
| **4.36** | **Danh mục bậc, hệ số lương** |
|  | Thêm mới bậc, hệ số lương |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin bậc, hệ số lương |
|  | Hiển thị danh sách bậc, hệ số lương |
| **4.37** | **Danh mục mức lương cơ bản** |
|  | Thêm mới mức lương cơ bản |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin mức lương cơ bản |
|  | Hiển thị danh sách mức lương cơ bản |
| **4.38** | **Danh mục loại phụ cấp** |
|  | Thêm mới loại phụ cấp |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin loại phụ cấp |
|  | Hiển thị danh sách loại phụ cấp |
| **4.39** | **Danh mục hình thức nghỉ hưu** |
|  | Thêm mới hình thức nghỉ hưu |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin hình thức nghỉ hưu |
|  | Hiển thị danh sách hình thức nghỉ hưu |
| **4.40** | **Danh mục bình bầu, phân loại CBCC** |
|  | Thêm mới hình thức, mức độ phân loại cán bộ công chức |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin hình thức, mức độ phân loại cán bộ công chức |
|  | Hiển thị danh sách hình thức, mức độ phân loại cán bộ công chức |
| **4.41** | **Danh mục khen thưởng kỷ luật** |
|  | Thêm mới hình thức khen thưởng kỷ luật |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin hình thức khen thưởng kỷ luật |
|  | Hiển thị danh sách hình thức khen thưởng kỷ luật |
| **4.42** | **Danh mục lý do đi nước ngoài** |
|  | Thêm mới lý do đi nước ngoài |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin lý do đi nước ngoài |
|  | Hiển thị danh sách các lý do đi nước ngoài |
| **4.43** | **Danh mục các loại quyết định** |
|  | Thêm mới loại quyết định |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin loại quyết định |
|  | Hiển thị danh sách các loại quyết định |
| **4.44** | **Danh mục trạng thái hồ sơ** |
|  | Thêm mới trạng thái hồ sơ |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin trạng thái hồ sơ |
|  | Hiển thị danh sách trạng thái hồ sơ |
| **4.45** | **Danh mục trạng thái đơn vị** |
|  | Thêm mới trạng thái đơn vị |
|  | Chỉnh sửa, xóa thông tin trạng thái đơn vị |
|  | Hiển thị danh sách trạng thái đơn vị |

1. Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/03/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức [↑](#footnote-ref-1)
2. Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức [↑](#footnote-ref-2)
3. Nghị định 41/2012/NĐ-CP ngày 8/5/2012 của Chính phủ quy định vị trí việc làm trong đơn vj sự nghiệp công lập [↑](#footnote-ref-3)
4. Nghj định 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức [↑](#footnote-ref-4)
5. Quyết định 11/1998/TCCP ngày 5/12/1998 của Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ về Quy chế đánh giá CBCC hàng năm [↑](#footnote-ref-5)
6. Báo cáo tổng kết thực hiện chương tình tổng thể CCHC giai đoạn 2001-2010 [↑](#footnote-ref-6)
7. Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 về chế độ tiền lương đối với CBCCVC và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 204/2004/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-7)
8. Quyết định 06/2007/QĐ-BNV ngày 18/6/2007 về thành phần hồ sơ CBCC và mẫu biểu quản lý hồ sơ CBCC [↑](#footnote-ref-8)
9. Quyết định 02/2008/QĐ-BNV ngày 06/10/2008 ban hành mẫu biểu quản lý hồ sơ CBCC [↑](#footnote-ref-9)
10. Thông tư 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức [↑](#footnote-ref-10)
11. Ban hành kèm theo quyết định số 02/2008/QĐ-BNV ngày 06/10/2008 của Bộ Nội vụ [↑](#footnote-ref-11)
12. Quyết định 94/2006/QĐ-TTg ngày 27/04/2006 về kế hoạch CCHC giai đoạn II 2006-2010 [↑](#footnote-ref-12)
13. QĐ 1605/2010/QĐ-TTg ngày 27/08/2010 phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015;Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 về ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN [↑](#footnote-ref-13)
14. Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 về ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 [↑](#footnote-ref-14)
15. Trích trong Nghị quyết 30c/2011/NQ-CP ngày 8/11/2011 [↑](#footnote-ref-15)
16. QĐ 1557/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của TTg phê duyệt đề án “Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức” [↑](#footnote-ref-16)
17. Chương trình phối hợp số 2782/CTPH-BTTTT-BNV ngày 16/10/2012 về Thúc đẩy gắn kết ứng dụng CNTT với CCHC [↑](#footnote-ref-17)
18. QĐ587/QĐ-UBND ngày 29/2/2012 của UBND tỉnh Ban hành Chương trình tổng thể CCHC tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2011-2020 [↑](#footnote-ref-18)
19. QĐ 2958/QĐ-UBND ngày 23/09/2013 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch “Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ,công chức tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2013-2015. [↑](#footnote-ref-19)
20. QĐ số 44/QĐ-TU ngày 17/10/2013 của UBND tỉnh Ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức. [↑](#footnote-ref-20)